



Member of JHI International

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011



Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (08) 38205944 - 38205947; Fax: 38205942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2011 là **100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn)**.

Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên

Địa chỉ : KCN Đông Bắc Sông Cầu, xã Xuân Hải, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Tỷ lệ sở hữu vốn và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là 19.874.711.718 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2010 lợi nhuận sau thuế là 19.641.679.774 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là 19.874.711.718 VND (Tại thời điểm 31/12/2010 lợi nhuận chưa phân phối là 19.787.580.983 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông HUỖNH NGHĨA	Chủ tịch
Ông ĐỖ VĂN NGỌC	Phó Chủ tịch
Ông NGUYỄN HUY QUYÊN	Thành viên
Ông NGUYỄN MINH PHÚC	Thành viên
Ông CAO THANH ĐỊNH	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông HUỖNH NGHĨA	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26/03/2011)
Ông ĐỖ VĂN NGỌC	Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 26/03/2011)



Ông VŨ XUÂN NGỌC	Phó Tổng Giám đốc	
Ông NGUYỄN HUY QUYỀN	Phó Tổng Giám đốc	
Ông NGUYỄN THÀNH THẢO	Phó Tổng Giám đốc	
Bà NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/04/2011)

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Bà TRƯƠNG THỊ HẠNH	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 26/03/2011)
Bà NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 26/03/2011)
Bà LÊ THỊ SÂM	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/03/2011)
Ông ĐẶNG THANH TÙNG	Thành viên	

Kế toán trưởng Bà NGUYỄN ANH PHƯƠNG

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

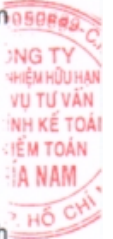
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH
Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Ngày 14 tháng 03 năm 2012
TM. Hội đồng Quản trị



HUỖNH NGHĨA
Chủ tịch HĐQT
Kiêm Tổng Giám đốc



Số 158A/BCKT-TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được lập ngày 20/01/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

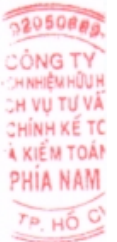
**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc****LÊ VĂN TUẤN**
CPA số: 0479/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Kiểm toán viên**PHÙNG VĂN THẮNG**
CPA số: 0650/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		722.661.778.889	528.618.728.929
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.339.853.362	11.419.390.693
1. Tiền	111	V.1	19.339.853.362	11.419.390.693
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.301.775.474	210.761.987.764
1. Phải thu khách hàng	131		178.367.330.011	209.033.385.136
2. Trả trước cho người bán	132		2.050.144.913	1.332.606.701
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	375.648.877	395.995.927
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(11.491.348.327)	-
IV. Hàng tồn kho	140		484.337.580.965	287.295.439.301
1. Hàng tồn kho	141	V.3	484.337.580.965	287.295.439.301
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.682.569.088	19.141.911.171
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		976.803.935	1.103.097.817
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.480.291.733	12.631.853.610
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	816.957.623	30.535.605
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	21.408.515.797	5.376.424.139



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

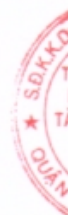
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.546.944.019	78.844.463.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		103.016.407.488	76.282.368.600
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	78.101.568.701	59.591.577.458
- Nguyên giá	222		134.507.051.811	107.926.404.515
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56.405.483.110)	(48.334.827.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85.000.000)	(85.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	24.914.838.787	16.690.791.142
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	2.456.905.000	2.456.905.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		425.000.000	425.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		2.031.905.000	2.031.905.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.073.631.531	105.189.842
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		976.760.531	8.318.842
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		96.871.000	96.871.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		829.208.722.908	607.463.192.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		681.418.486.096	460.559.063.570
I. Nợ ngắn hạn	310		681.044.457.429	460.137.784.553
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	477.242.320.800	295.879.070.365
2. Phải trả người bán	312		57.509.271.371	54.807.511.956
3. Người mua trả tiền trước	313		11.715.337.232	25.963.634.088
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	3.524.417.030	2.805.996.545
5. Phải trả người lao động	315		1.136.957.339	971.338.322
6. Chi phí phải trả	316	V.12	44.642.010	8.205.967.043
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	128.522.249.567	71.070.669.715
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.349.262.080	433.596.519
II. Nợ dài hạn	330		374.028.667	421.279.017
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		374.028.667	421.279.017
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.790.236.812	146.904.128.801
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	147.790.236.812	146.904.128.801
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.952.300.000	8.952.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.392.524.898)	(1.392.524.898)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.003.697.894)	3.422.134.830
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.546.530.607	10.582.360.607
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.812.917.279	5.552.277.279
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.874.711.718	19.787.580.983
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		829.208.722.908	607.463.192.371



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		140.047.392	140.047.392
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		5.093.849.133	5.093.849.133
5. Ngoại tệ các loại (USD)		837,18	2.276,05
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

TRẦN THỊ HUYỀN

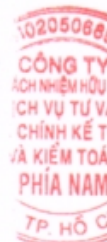
Kế toán trưởng

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2012
Tổng Giám đốc



HUYỀN NGHĨA



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

				Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16	1.001.297.971.721	850.150.324.883
2. Các khoản giảm trừ	02	V.17	11.222.308.852	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.18	990.075.662.869	850.150.324.883
4. Giá vốn hàng bán	11	V.19	887.585.837.949	756.278.553.433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.489.824.920	93.871.771.450
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	6.178.529.110	899.205.810
7. Chi phí tài chính	22	V.21	60.970.391.037	59.206.429.379
Trong đó: chi phí lãi vay			55.320.004.825	46.695.885.090
8. Chi phí bán hàng	24		5.937.193.816	5.601.254.079
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.127.070.580	9.386.322.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.633.698.597	20.576.971.306
11. Thu nhập khác	31		675.267.792	1.848.123.841
12. Chi phí khác	32		58.337.407	467.032.158
13. Lợi nhuận khác	40		616.930.385	1.381.091.683
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.250.628.982	21.958.062.989
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.22	1.375.917.264	2.316.383.215
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.23	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.874.711.718	19.641.679.774
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		19.874.711.718	19.641.679.774
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.24	2.010	1.987

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ HUYỀN

NGUYỄN ANH PHƯƠNG



HUỲNH NGHĨA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1		
1. Lợi nhuận trước thuế		21.250.628.982	21.958.062.989
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	-
1. Khấu hao tài sản cố định	2	8.070.656.053	7.714.949.748
2. Các khoản dự phòng	3	11.491.348.327	-
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	-
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	-	-
5. Chi phí lãi vay	6	55.320.004.825	47.697.061.351
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	96.132.638.187	77.370.074.088
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	50.831.706.030	153.463.371.339
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(197.042.141.663)	39.496.528.980
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	30.000.867.196	(154.300.827.990)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.090.381.581)	(547.521.701)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(63.290.350.119)	(55.543.533.250)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.953.623.496)	(2.211.006.537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	169.919.088.696	93.353.351.079
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(214.610.228.506)	(33.949.844.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(132.102.425.256)	117.130.591.494
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.580.647.296)	(3.979.773.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.459.378.461
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	665.417.388	809.361.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.915.229.908)	(1.711.033.920)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	825.870.600.800	541.407.959.280
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(645.621.070.365)	(647.064.144.389)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.291.563.320)	(10.730.508.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	165.957.967.115	(116.386.693.109)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.940.311.951	(967.135.535)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.419.390.693	13.619.807.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.849.282)	(1.233.281.770)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.339.853.362	11.419.390.693

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2012
 Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ HUYỀN

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

HUYỀN NGHĨA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2011 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn).

Số lượng các Công ty được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:

Công ty TNHH một thành viên Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên (Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ là 100%). Tổng giá trị vốn góp tới 31/12/2011 là 45.000.000.000 đ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính:

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ dài hạn tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ ngắn hạn được hạch toán trên tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính).

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu. Theo đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí chung được tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08-33 năm
- Máy móc thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.



Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỉ lệ vốn hóa đối với chi phí vốn hóa bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất dở dang.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các chi phí được phân bổ theo thời gian hữu ích của tài sản.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

020506
CÔNG
CHUYÊN
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA N
TP. HCM

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ ngắn hạn.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

14. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán có liên quan.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

17. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.



Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

150686
CÔNG TY
HỢP NHẤT
VẬT TƯ
HỢP NHẤT
TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TIỀN	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	254.592.894	639.401.051
Tiền gửi ngân hàng	19.085.260.468	10.779.989.642
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	19.339.853.362	11.419.390.693
2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận đã tạm chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Các khoản phải thu khác	375.648.877	395.995.927
Tổng cộng	375.648.877	395.995.927
3. HÀNG TỒN KHO	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng gửi đi bán	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	444.762.750.552	253.833.493.884
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	39.574.830.413	33.461.945.417
Tổng cộng	484.337.580.965	287.295.439.301
4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế TNDN	831.768.407	30.535.605
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Tổng cộng	816.957.623	30.535.605
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	1.387.580.977	2.413.112.139
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.020.934.820	2.963.312.000
Tổng cộng	21.408.515.797	5.376.424.139



6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND						
Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	58.204.371.358	25.332.203.616	21.667.623.263	2.000.793.078	721.413.200	107.926.404.515
2. Số tăng trong kỳ	9.296.231.118	1.101.028.264	16.078.696.278	104.691.636	-	26.580.647.296
Bao gồm:						
- Mua sắm mới	1.449.598.609	1.101.028.264	16.078.696.278	104.691.636	-	18.734.014.787
- Xây dựng mới	7.846.632.509	-	-	-	-	7.846.632.509
-Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý	-	-	-	-	-	-
- Nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	67.500.602.476	26.433.231.880	37.746.319.541	2.105.484.714	721.413.200	134.507.051.811
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	22.248.457.882	15.306.782.795	9.042.608.189	1.540.545.244	196.432.947	48.334.827.057
2. Khấu hao trong kỳ	3.394.642.059	1.949.264.592	2.388.130.378	189.664.536	148.954.488	8.070.656.053
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Gồm:						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	25.643.099.941	17.256.047.387	11.430.738.567	1.730.209.780	345.387.435	56.405.483.110
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
1. Tại ngày đầu năm	35.955.913.476	10.025.420.821	12.625.015.074	460.247.834	524.980.253	59.591.577.458
2. Tại ngày cuối kỳ	41.857.502.535	9.177.184.493	26.315.580.974	375.274.934	376.025.765	78.101.568.701

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

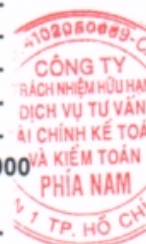
Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm		85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm			-
Bao gồm:			
- Mua trong năm		-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN		-	-
- Tăng do hợp nhất KD		-	-
- Tăng khác		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
Bao gồm:			
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối năm		85.000.000	85.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
Bao gồm:			
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm		85.000.000	85.000.000
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm		-	-
2. Tại ngày cuối năm		-	-



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
- Công trình Nhà máy phân bón NPK Phú Yên		10.198.797.442	10.198.797.442
- Chế tạo hệ thống máy nghiền, ống sấy		13.514.389.286	-
- Công trình nhà kho, sân phơi		-	6.491.993.700
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		1.201.652.059	-
Tổng cộng		24.914.838.787	16.690.791.142

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		31/12/2011	01/01/2011
	Số lượng	VND	Số lượng VND
a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		425.000.000	425.000.000
- Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường (*)		425.000.000	425.000.000
b) Đầu tư dài hạn khác		2.031.905.000	2.031.905.000
- Đầu tư cổ phiếu			
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (**)	250.974	2.031.905.000	230.346 2.031.905.000
- Đầu tư trái phiếu		-	-
Tổng cộng		2.456.905.000	2.456.905.000

Ghi chú : (*) Theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa để thành lập Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường, trong đó Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh góp 39% vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000đ). Đến thời điểm 31/12/2011 số vốn thực tế đã góp là 425.000.000 đ.

(**) Trong năm Công ty nhận được số lượng cổ phiếu thưởng là: 20.628 CP.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đông Á (VND) (1)		211.610.000.000	74.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á (USD) (2)		200.261.220.000	53.558.628.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (VND)		7.100.000.000	8.880.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (USD) (3)		3.573.100.800	24.644.111.545
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (VND)		5.168.000.000	6.570.000.000
- Ngân hàng Đông Á-CN Bình Định (VND)		48.230.000.000	46.713.202.500
- Vay cá nhân (4)		1.300.000.000	81.413.128.320
Tổng cộng		477.242.320.800	295.879.070.365

Ghi chú :

(1): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 9 tháng, lãi suất 1,7 % / tháng.

(2) và (3): Là các khoản tín dụng ngắn hạn bằng USD của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á và Ngân hàng TMCP Quân đội, dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để trả các hợp đồng nhập khẩu, với thời hạn 9 tháng, lãi suất từ 7% đến 8 %/năm. Tại thời điểm 31/12/2011 tổng dự nợ vay bằng USD là 9.785.880,00 USD.

(4): Là các khoản tiền huy động vốn từ các cá nhân khác ở trong và ngoài Công ty trên cơ sở Hợp đồng vay vốn, với lãi suất 14,4 %/năm.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	3.513.544.497	2.007.986.499
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	792.522.097
- Thuế thu nhập cá nhân	10.872.533	5.487.949
- Các loại thuế khác	-	-
Tổng cộng	3.524.417.030	2.805.996.545
12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	34.310.800	8.116.795.765
- Lãi mua hàng trả chậm	-	-
- Tiền thuê mặt bằng	-	-
- Chiết khấu bán hàng	-	78.840.068
- Chi phí phải trả khác	10.331.210	10.331.210
Tổng cộng	44.642.010	8.205.967.043
13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- BHXH, BHYT, BHTN	57.294.519	-
- Kinh phí công đoàn	46.137.516	7.045.084
- Cổ tức phải trả	-	2.547.450.000
- Mượn tạm vốn kinh doanh: (*)		
+ Ông Huỳnh Thanh Liêm	20.000.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	20.000.000.000	-
+ Bà Ôn Lệ Hồng	23.034.938.320	-
+ Ông Huỳnh Thanh Điền	16.750.000.000	17.000.000.000
+ Bà Huỳnh Hồng Phương	48.000.000.000	51.500.000.000
- Phải trả khác	633.879.212	16.174.631
Tổng cộng	128.522.249.567	71.070.669.715
<i>Ghi chú: (*) là các khoản Công ty tạm vay không phải trả lãi vay.</i>		
14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Vay dài hạn	-	-
- Nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	-	-



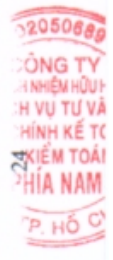
15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	(6.466.053.344)	10.239.280.607	3.949.287.279	(53.171.911)	16.042.309.053	131.271.426.786
Tăng vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	19.641.679.774	19.641.679.774
Tăng khác	-	-	-	9.889.750.806	343.080.000	1.602.990.000	480.890.000	-	12.316.710.806
Giảm vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(1.562.632)	-	-	(427.718.089)	(15.896.407.844)	(16.325.688.565)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	3.422.134.830	10.582.360.607	5.552.277.279	-	19.787.580.983	146.904.128.801
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	19.874.711.718	19.874.711.718
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	5.198.982.590	1.964.170.000	3.260.640.000	-	1.170.454.533	11.594.247.123
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(9.624.815.314)	-	-	-	(20.958.035.516)	(30.582.850.830)
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	(1.003.697.894)	12.546.530.607	8.812.917.279	-	19.874.711.718	147.790.236.812

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	9.435.000.000	9.43%
Vốn góp của các đối tượng khi:	90.565.000.000	90,57%
Cộng	100.000.000.000	100%



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	114.410	114.410

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.291.563.320	11.862.708.000

d) Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		12%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 VND.		

e) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	114.410	114.410
- Cổ phiếu phổ thông	114.410	114.410
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: **10.000 VND/Cổ phiếu****f) Các quỹ của công ty**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	12.546.530.607	10.582.360.607
- Quỹ dự phòng tài chính	8.812.917.279	5.552.277.279
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị - dây chuyền công nghệ và để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính: Nhằm đảm bảo sự cân đối trong các nhu cầu chi trả để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng là nguồn tài chính để bổ sung vốn hoạt động của công ty.

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	797.286.434.606	681.093.749.273
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	204.011.537.115	169.056.575.610
Tổng cộng	1.001.297.971.721	850.150.324.883

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	229.130.000	-
Hàng bán bị trả lại	10.993.178.852	-
Tổng cộng	11.222.308.852	-

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	786.064.125.754	681.093.749.273
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	204.011.537.115	169.056.575.610
Tổng cộng	990.075.662.869	850.150.324.883

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	706.235.492.665	602.580.870.054
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	181.350.345.284	153.697.683.379
Tổng cộng	887.585.837.949	756.278.553.433

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chiết khấu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.746.846.103	166.466.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.157.456.863	454.732.652
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	274.226.144	278.006.658
Tổng cộng	6.178.529.110	899.205.810

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi vay	55.320.004.825	46.695.885.090
- Lãi trả chậm	-	1.001.176.261
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.650.386.212	11.509.368.028



- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

- -

Tổng cộng	60.970.391.037	59.206.429.379
------------------	-----------------------	-----------------------

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.375.917.264	2.328.398.856
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(12.015.641)
Tổng cộng	1.375.917.264	2.316.383.215

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.874.711.718	19.641.679.774
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.010	1.987

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	622.487.884.941	569.493.942.006
Chi phí nhân công	10.526.153.676	13.476.820.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.070.656.053	6.848.017.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.988.898.224	6.510.725.015
Chi phí khác bằng tiền	20.834.581.967	17.246.640.492
Tổng cộng	669.908.174.861	613.576.145.316

26. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí tiền lương	567.000.000	570.546.352
- Thù lao	-	120.000.000
Tổng cộng	567.000.000	690.546.352

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Công ty con	100%
Ông Huỳnh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Minh Phúc	Thành viên HĐQT	

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan (Công ty con) như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Bán hàng	120.767.296.905

Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Mua hàng	1.055.714.286
Ông Huỳnh Nghĩa	Trả nợ vay	28.780.000.000
Ông Nguyễn Minh Phúc	Trả nợ vay	12.200.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Nợ phải trả	5.868.621.286

2. Việc áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính để đánh giá lại số dư các khoản mục cổ gốc ngoại tệ ngắn hạn tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán 31/12/2011, ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này so với Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái như sau:

Trường hợp Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10 thì Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi tương ứng với giá trị là 1.003.697.894 đồng.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Người lập biểu

TRẦN THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



HUỲNH NGHĨA